

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HỒNG LĨNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2-3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4-5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8-15



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Hồng Lĩnh (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty điều hành Công ty tại ngày 31/12/2012 gồm:

Ban Giám đốc

Ông Bùi Văn Phát

Giám đốc

Ông Trần Thanh Long

Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Bùi Văn Phát
Giám đốc

Hà Tĩnh, ngày 10 tháng 4 năm 2013

Văn phòng Hà Nội / Hanoi Office:

P. 1401, Tòa nhà 17T5, Trung Hòa - Nhân Chính, Hà Nội
Suite 1401, 17T5 Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Hanoi
Tel: (84 4) 6 2811 488 Fax: (84 4) 6 2811 499
E-mail: contact@krestonaca.vn www.krestonaca.vn

Số: 500 /2013/BCKT-ACA-NA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của
Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Hồng Lĩnh**

**Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Hồng Lĩnh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày từ trang 4 đến trang 15 kèm theo.

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế về phạm vi kiểm toán

Do được bổ nhiệm sau ngày kết thúc niên độ Kế toán, chúng tôi đã không thể tham gia chứng kiến Kiểm kê tiền mặt, tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2012. Vì vậy chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu, giá trị của khoản mục tiền mặt và tài sản cố định cũng như ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu khác được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (Tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của hạn chế về phạm vi Kiểm toán nêu trên, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Nguyễn Duy Tuấn

Phó giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1951/KTV

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán Kreston ACA Việt Nam –

Chi nhánh Miền Trung

Nghệ An, ngày 10 tháng 4 năm 2013

Nguyễn Anh Dũng

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1379/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)		2.336.152.738	670.023.231
110	Tiền và các khoản tương đương tiền		1.591.742.175	400.096.278
111	Tiền	V.1	1.591.742.175	400.096.278
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		679.510.563	144.313.316
131	Phải thu khách hàng		41.890.259	144.313.316
132	Trả trước cho người bán		636.267.000	-
135	Các khoản phải thu khác		1.353.304	-
140	Hàng tồn kho	V.2	64.900.000	89.250.000
141	Hàng tồn kho		64.900.000	89.250.000
150	Tài sản ngắn hạn khác		-	36.363.637
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		-	36.363.637
200	TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)		4.888.994.309	3.608.092.691
220	Tài sản cố định		4.787.538.394	3.608.092.691
221	Tài sản cố định hữu hình	V.3	3.464.866.663	3.608.092.691
222	Nguyên giá		3.969.007.642	3.790.100.097
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(504.140.979)	(182.007.406)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.4	1.322.671.731	-
260	Tài sản dài hạn khác		101.455.915	-
261	Chi phí trả trước dài hạn	V.5	101.455.915	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)		7.225.147.047	4.278.115.922

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	NỢ PHẢI TRẢ (300=310)		267.337.044	10.299.237
310	Nợ ngắn hạn		267.337.044	10.299.237
312	Phải trả người bán		108.165.181	10.299.237
315	Phải trả người lao động		110.421.863	-
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		48.750.000	-
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)		6.957.810.003	4.267.816.685
410	Vốn chủ sở hữu	V.6	6.957.810.003	4.267.816.685
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		3.926.694.426	4.326.694.426
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(46.884.423)	(58.877.741)
421	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		3.078.000.000	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)		7.225.147.047	4.278.115.922



Bùi Văn Phát
 Giám đốc

Hà Tĩnh, ngày 10 tháng 4 năm 2013

Đinh Thị Thanh Hải
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN
 Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.454.699.343	2.710.228.273
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	6.454.699.343	2.710.228.273
11	Giá vốn hàng bán	VI.2	5.098.174.415	2.063.250.912
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.356.524.928	646.977.361
21	Doanh thu hoạt động tài chính		77.722	-
22	Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
24	Chi phí bán hàng		-	-
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.3	1.344.609.332	705.855.102
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		11.993.318	(58.877.741)
31	Thu nhập khác		-	-
32	Chi phí khác		-	-
40	Lợi nhuận khác		-	-
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		11.993.318	(58.877.741)
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.4	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		11.993.318	(58.877.741)



Bùi Văn Phát
 Giám đốc

Hà Tĩnh, ngày 10 tháng 4 năm 2013

Đinh Thị Thanh Hải
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	6.427.122.400	2.580.228.273
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(4.062.714.954)	(971.330.603)
03	Tiền chi trả cho người lao động	(1.272.523.331)	(878.028.432)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	5.519.950	-
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(419.686.340)	(158.491.947)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	677.717.725	572.377.291
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(2.164.149.550)	(172.281.013)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	77.722	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(2.164.071.828)	(172.281.013)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	3.078.000.000	-
32	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	(400.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	2.678.000.000	
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	1.191.645.897	400.096.278
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	400.096.278	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	1.591.742.175	400.096.278



Bùi Văn Phát
 Giám đốc

Hà Tĩnh, ngày 10 tháng 4 năm 2013

Đinh Thị Thanh Hải

Đinh Thị Thanh Hải
 Kế toán trưởng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hồng Lĩnh được chuyển đổi từ Công ty Công ty Quản lý - Dịch vụ Công trình Công cộng Đô thị Hồng Lĩnh theo Quyết định số 790/QĐ-UBND ngày 22/3/2011 của UBND tỉnh Hà Tĩnh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp lần đầu ngày 22/4/2011.

Vốn Điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu là 8.000.000.000 đồng. Chủ sở hữu là Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan (chi tiết: vệ sinh công cộng; thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại; khơi thông cống rãnh, xử lý bùn cống, và mương thoát nước; quản lý, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống kênh mương, hồ sinh thái, kè; quản lý, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng công cộng, điện trang trí, quảng cáo; chăm sóc, quản lý cây xanh đường phố, uơm mới cây con, các loại cây cảnh; quản lý, duy tu, bảo dưỡng nghĩa trang, làm dịch vụ mai táng. Tư vấn kỹ thuật và thi công hệ thống thoát nước, vỉa hè, lề đường, điện chiếu sáng đô thị, điện trang trí, các công trình thuộc công viên cây xanh, vui chơi giải trí và công trình điện thế 35 KV; Kinh doanh cây xanh, cây cảnh, vật tư, nguyên liệu, máy móc chuyên ngành phục vụ công cộng, về sinh môi trường, thông hút hầm vệ sinh và các dịch vụ vệ sinh môi trường khác.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2012 là 45 người (tại 31/12/2011 là 40 người).

Trụ sở chính: khối 9, phường Bắc Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 (năm dương lịch).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính theo hình thức chứng từ ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ; Tiền gửi ngân hàng; Các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình không tương tự hoặc tài sản khác được xác định theo giá trị hợp lý của tài sản cố định hữu hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu về. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự được tính bằng giá trị còn lại của tài sản cố định đem trao đổi.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06
Phương tiện vận tải	05 – 08

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

6. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

7. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: (i) Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; (ii) Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và (iii) Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

8. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

9. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (ii) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; (iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và (v) Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng có thể xác định được.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được.

Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

10. Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

11. Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty mẹ, các Công ty con của Công ty mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty; Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên quan này, những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 (Đơn vị tính: VND)

1. Tiền		Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	49.847.153	96.278	
Tiền gửi ngân hàng (VND)	1.541.895.022	400.000.000	
- Tiền gửi tại Kho bạc nhà nước tỉnh Hà Tĩnh	1.491.920.800	400.000.000	
- Tiền gửi tại Ngân hàng khác	49.974.222	-	
Cộng	1.591.742.175	400.096.278	
2. Hàng tồn kho		Cuối năm	Đầu năm
Công cụ dụng cụ	30.400.000	53.250.000	
Thành phẩm	34.500.000	36.000.000	
Cộng	64.900.000	89.250.000	
3. Tài sản cố định hữu hình			

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	3.153.893.797	636.206.300	-	3.790.100.097
Mua trong năm	-	81.818.182	27.472.728	109.290.910
Xây dựng cơ bản hoàn thành	30.263.000	39.353.635	-	69.616.635
Số dư cuối năm	3.184.156.797	757.378.117	27.472.728	3.969.007.642
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	120.154.015	61.853.391	-	182.007.406
Khấu hao trong năm	205.978.312	113.027.989	3.127.272	322.133.573
Số dư cuối năm	326.132.327	174.881.380	3.127.272	504.140.979
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	3.033.739.782	574.352.909	-	3.608.092.691
Tại ngày cuối năm	2.858.024.470	582.496.737	24.345.456	3.464.866.663

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
Xe chuyên dùng	1.074.360.550	-
Trụ sở công ty	248.311.181	-
Cộng	1.322.671.731	-

5. Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Công cụ dụng cụ xuất dùng có thời gian phân bổ trên 1 năm	101.455.915	-
Cộng	101.455.915	-

6. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Tổng cộng
NĂM TRƯỚC				
Số dư đầu năm	3.976.694.426	-	-	3.976.694.426
Tăng vốn	400.000.000	-	-	400.000.000
Lỗ trong năm	-	(58.877.741)	-	(58.877.741)
Giảm vốn	(50.000.000)	-	-	(50.000.000)
Số dư cuối năm	4.326.694.426	(58.877.741)	-	4.267.816.685
NĂM NAY				
Số dư đầu năm	4.326.694.426	(58.877.741)	-	4.267.816.685
Tăng vốn (*)	-	-	3.078.000.000	3.078.000.000
Lãi	-	11.993.318	-	11.993.318
Giảm vốn (**)	(400.000.000)	-	-	(400.000.000)
Số dư cuối năm	3.926.694.426	(46.884.423)	3.078.000.000	6.957.810.003

(*) Nhận kinh phí dự án cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc tại Công ty theo quyết định 2875/QĐ-UBND ngày 3/10/2012 của UBND tỉnh Hà Tĩnh với số tiền 2.000.000.000 đồng và kinh phí phục vụ mua sắm thiết bị xe chuyên dùng vận chuyển rác theo quyết định 4258/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND tỉnh Hà Tĩnh với số tiền 678.000.000 đồng.

(**) Năm 2011, Công ty được UBND tỉnh Hà Tĩnh cấp kinh phí 400.000.000 đồng để mua máy ủi phục vụ hoạt động của Công ty theo Quyết định số 3068/QĐ-UBND ngày 21/9/2011. Công ty hạch toán khoản cấp vốn này vào Nguồn vốn đầu tư của Chủ sở hữu. Năm 2012, UBND tỉnh Hà Tĩnh gửi Công văn số 1411/UBND-XD ngày 16/5/2012 về việc chuyển 400.000.000 đồng mua máy ủi nói trên thành mua xe chuyên dùng vận chuyển rác. Theo đó, Công ty đã chuyển trả 400.000.000 đồng kinh phí mua máy ủi vào ngày 17/01/2012 – hạch toán giảm nguồn vốn đầu tư của Chủ sở hữu, sau đó nhận lại kinh phí cấp mua xe chuyên dùng 400.000.000 đồng vào ngày 09/4/2012 - hạch toán tăng Nguồn vốn Đầu tư xây dựng cơ bản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

4. Số liệu so sánh

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 bắt đầu từ ngày 22/4/2011 - là ngày Công ty bắt đầu chuyển đổi từ Công ty Quản lý - Dịch vụ Công trình Công cộng Đô thị Hồng Lĩnh thành Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hồng Lĩnh. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Kreston ACA Việt Nam - Chi nhánh Miền Trung.



Bùi Văn Phát
Giám đốc

Hà Tĩnh, ngày 10 tháng 4 năm 2013

Đinh Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng

